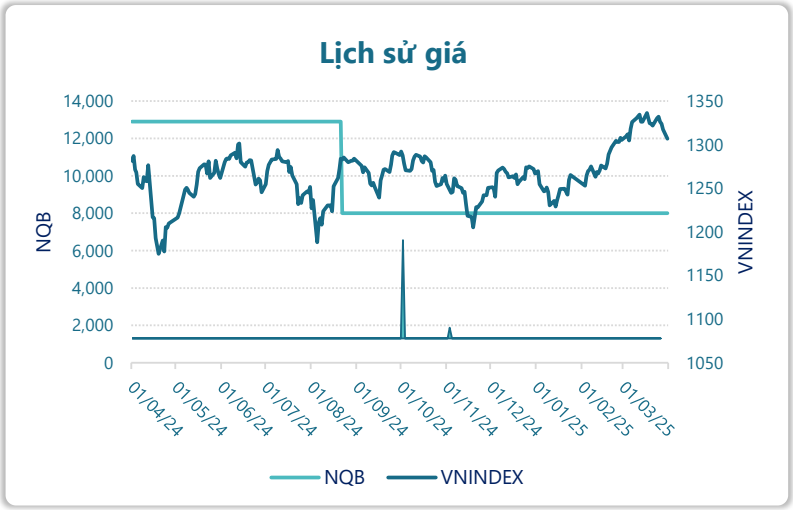
FireAnt

CTCP Cấp nước Quảng Bình (UPCOM: NQB)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	17,230,204
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	138
P/E	10.0
EPS	801

DT thuần

Q1/25

29.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.50| -4.8%

YoY: ▲ 0.30| 1.0%

LN sau thuế

Q1/25

2.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.87| 60.6%

YoY: ▼0.88| -27.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.1%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2024

134

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00| 3.5%

LN sau thuế

2024

14.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.40| 10.8%

ROE

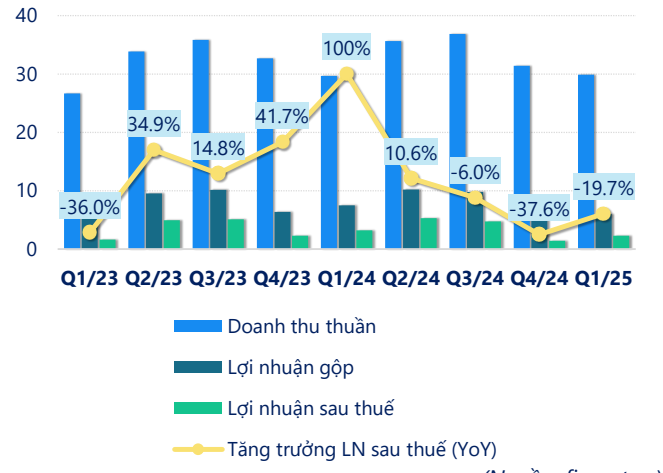
2024

7.6%

+/- YoY: ▲ 0.6%

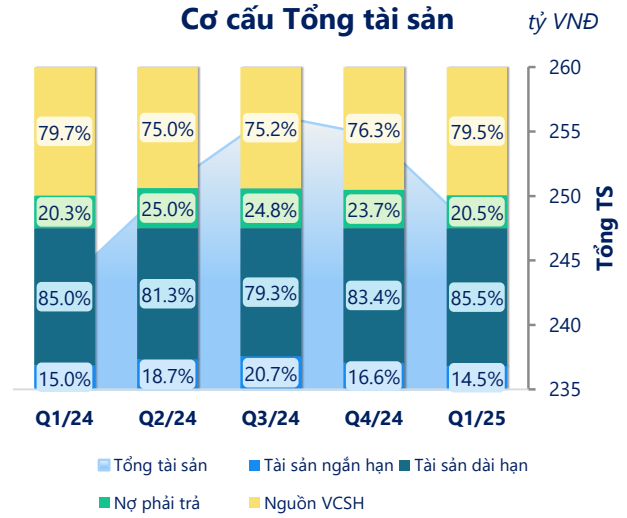
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



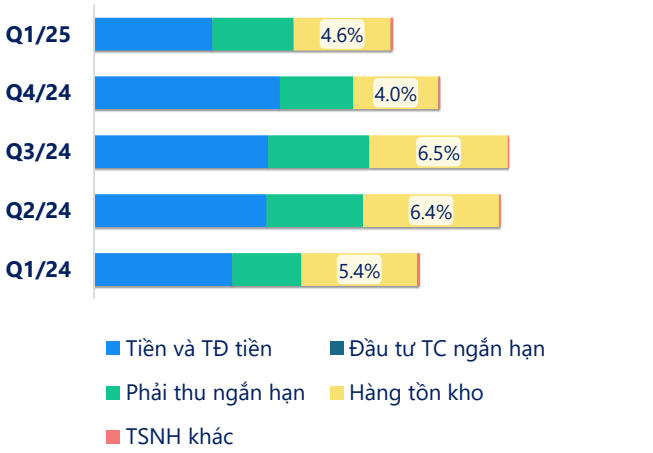
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



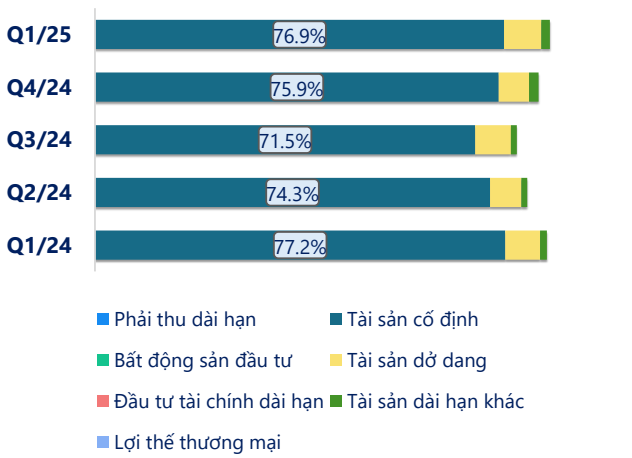
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



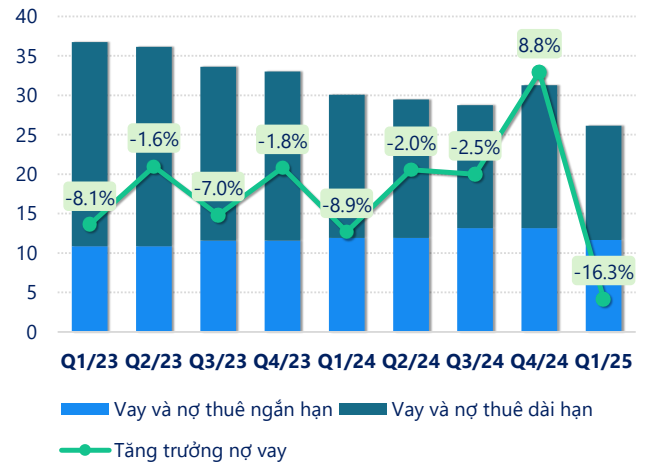
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



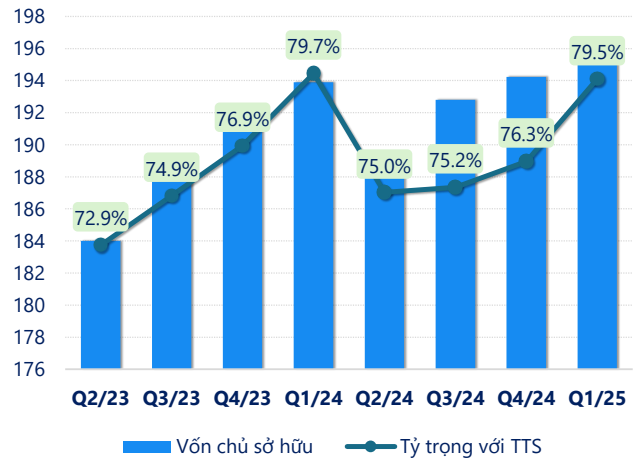
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



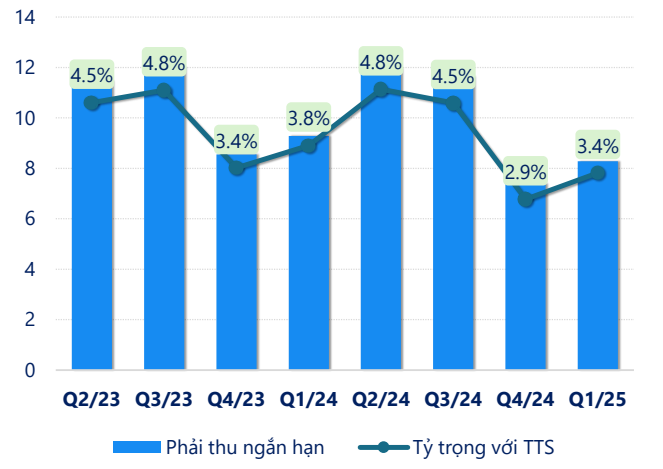
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



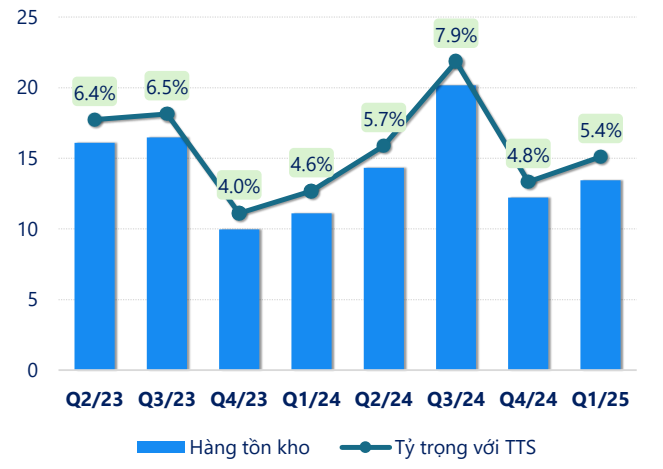
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



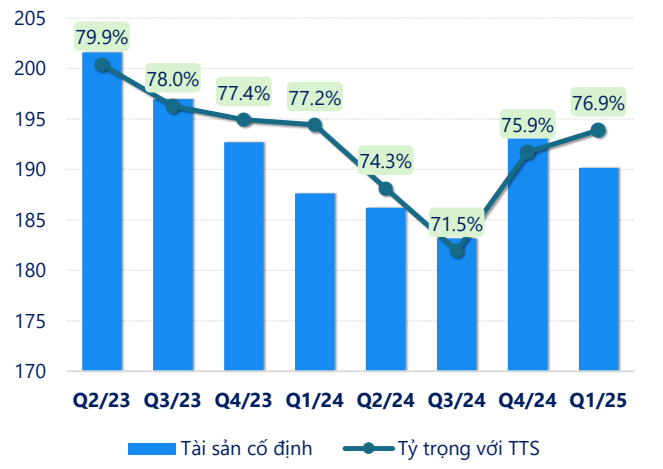
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



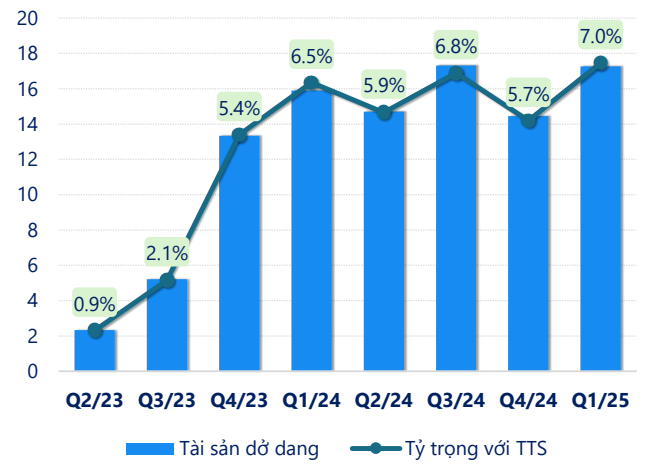
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



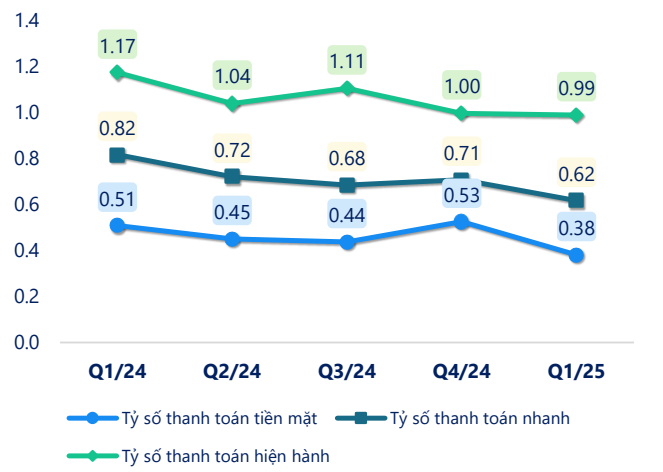
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



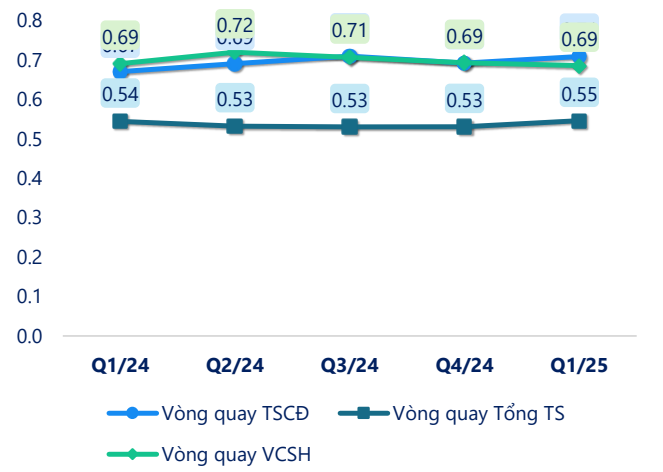
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**243**	**251**	**256**	**255**	**247**
Tài sản ngắn hạn	**36.5**	**46.8**	**53.0**	**42.3**	**35.7**
Tiền và tương đương tiền	15.8	20.3	21.0	22.3	13.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	9.28	12.0	11.6	7.40	8.29
Hàng tồn kho	11.1	14.3	20.2	12.2	13.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.22	0.22	0.35	0.24
Tài sản dài hạn	**207**	**204**	**203**	**212**	**211**
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04
Tài sản cố định	188	186	183	193	190
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.9	14.7	17.3	14.5	17.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.09	2.91	2.81	4.58	4.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**49.3**	**62.6**	**63.5**	**60.5**	**50.6**
Nợ ngắn hạn	**31.1**	**45.1**	**47.9**	**42.4**	**36.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.9	11.9	13.2	13.2	11.7
Phải trả người bán ngắn hạn	6.22	9.53	14.3	9.29	13.5
Nợ dài hạn	18.2	17.6	15.6	18.1	14.5
Vay và nợ thuê dài hạn	18.2	17.6	15.6	18.1	14.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**194**	**188**	**193**	**194**	**197**
Vốn chủ sở hữu	**194**	**188**	**193**	**194**	**197**
Vốn điều lệ	172	172	172	172	172
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)